

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 6 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Xử lý khẩn cấp sự cố sạt trượt mái, nước lũ tràn qua đê và cải tạo, nâng cấp đê tả Thương Dương Đức đoạn từ K0-K7+033, xã Tiên Lục, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ các Luật: Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật Đất đai ngày 29/11/2026; Luật Quy hoạch ngày 10/12/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 về Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 08/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 05 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 60/2025/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BNNMT ngày 02/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Ban hành định mức dự toán chuyên ngành xây dựng công trình thủy lợi và đê điều;*

*Căn cứ Công văn số 2580/BNNMT-ĐĐ ngày 20/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về giải pháp kỹ thuật các dự án xử lý khẩn cấp sự cố đê điều và cải tạo, nâng cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Ninh: Số 14/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh; số 29/2025/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 Về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 431/BC-SNNMT ngày 11/6/2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án: Xử lý khẩn cấp sự cố sạt trượt mái, nước lũ tràn qua đê và cải tạo, nâng cấp đê tả Thương Dương Đức đoạn từ K0-K7+033, xã Tiên Lục, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xử lý khẩn cấp sự cố sạt trượt mái, nước lũ tràn qua đê và cải tạo, nâng cấp đê tả Thương Dương Đức đoạn từ K0-K7+033, xã Tiên Lục, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh.

2. Địa điểm xây dựng: xã Tiên Lục, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh..

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

4. Chủ đầu tư: Giám đốc Ban Quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Viện kỹ thuật công trình.

6. Nhóm dự án, phân loại và phân cấp công trình chính:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, công trình đê điều.

- Cấp công trình: Cấp III.

7. Mục tiêu dự án:

Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Thương Dương Đức từ K0-K7+033 nhằm xử lý, khắc phục ngay hậu quả sự cố sụt sạt trượt mái, thân, nền đê; thấm lậu, rò rỉ trên thân, mái đê; tràn nước qua mặt đê để đảm bảo lâu dài về an toàn đê điều, an toàn tính mạng, tài sản của Nhà nước và nhân dân trong khu vực. Đồng thời tăng cường năng lực phòng tránh, ứng phó hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công tác an toàn phòng, chống thiên tai với các diễn biến thời tiết bất

thường trong mùa mưa bão năm 2026 và các năm tiếp theo góp phần ổn định đời sống dân cư trong khu vực dự án, kết hợp giao thông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương và khu vực.

8. Quy mô đầu tư xây dựng, thông số kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

#### 8.1. Quy mô xây dựng:

- Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Thương Dương Đức từ K0-K7+033 đảm bảo yêu cầu chống lũ, an toàn đê điều kết hợp mở rộng, cứng hoá mặt đê kết hợp giao thông với tổng chiều dài xây dựng khoảng 6.329m.

- Xây dựng 01 công tiêu và 12 công tưới qua đê; Xử lý đùn sủi, sạt trượt mái, khoan phụt vữa gia cố thân đê đoạn từ K2+400 ÷ K3+000 với chiều dài khoảng 600m; hoàn trả hạ tầng kỹ thuật và một số công trình phụ trợ khác...

#### 8.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

##### a) Phần đê:

- Hoàn thiện mặt cắt đê:

+ Đào cung sạt trượt (nếu có), bóc màu, đắp đất độ chặt K95 nâng cao trình và mở rộng thân đê.

+ Chiều rộng mặt đê cứng hoá Bmđ = 6,0m-7,5m bằng kết cấu áo đường mềm; lề mỗi bên rộng 1,0m-1,5m bằng đất đắp K95; các đoạn qua khu dân cư xây dựng rãnh thu nước dọc 2 bên có kích thước BxH=(0,4x0,5)m kết cấu bằng BTCT.

- Khoan phụt vữa gia cố đê: Khoan phụt bằng vữa xi măng - sét dọc theo các đoạn đê bị thấm lậu, đùn sủi.

##### b) Cống qua đê:

- Cống tiêu qua đê: Cống hộp BTCT M300, gia cố nền bằng cọc BTCT M300; chống thấm bằng đắp đất sét luyện dày 1m xung quanh cống, kết hợp cừ lasen, khớp nối đồng; bố trí hệ thống dàn van, máy đóng mở.

- Cống tưới qua đê: Cống bằng ống thép không gỉ bên ngoài bọc BTCT M300, đắp đất sét luyện dày 1m xung quanh cống và bố trí hệ thống hố ga, van đóng mở.

c) Các hạng mục phụ trợ: Các thông số kỹ thuật, công trình phụ trợ (*dốc, vượt dốc, lấp ao, cơ, phân áp, hoàn trả kênh tưới, rãnh thoát nước...*) và chi tiết giải pháp thiết kế khác: Theo hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở.

9. Bản vẽ TKCS được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn.

10.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

10.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 12845-2020: Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Báo

cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật;

- QCVN 04-05:2022/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình Thủy lợi, phòng chống thiên tai - Phần I Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- TCVN 9902:2025 Đê sông - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 9165:2025 Đê sông - Yêu cầu kỹ thuật đắp đê;

- TCVN 12317:2025 Đê sông - Đánh giá an toàn;

- TCVN 8419:2022 Công trình bảo vệ đê, bờ sông – Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 8644:2011 Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật khoan phụt vữa gia cố đê;

- TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 4253:2012: Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 5574:2012: Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 8218:2009: Bê tông thủy công - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 4447:2012: Công tác đất - thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8422:2010 Công trình thủy lợi – Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;

- TCVN 4116:1985 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công;

- TCVN 10304:2025 Móng cọc – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 8299:2009 Công trình Thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế cửa van, khe van bằng thép;

- TCVN 8301:2009 Công trình thủy lợi – Máy đóng mở kiểu vít – Yêu cầu thiết kế, kỹ thuật trong chế tạo, lắp đặt, nghiệm thu;

- TCVN 4054:2005: Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế;

- TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, văn bản khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: **186.476.000.000 đồng**

(*Bằng chữ: Một trăm tám mươi sáu tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng*).

Trong đó:

- Chi phí BT, HT và tái định cư: 29.669.450.000 đồng;

- Chi phí xây dựng: 118.969.080.000 đồng;

- Chi phí thiết bị: 51.840.000 đồng;

- Chi phí quản lý dự án: 2.090.966.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 8.509.827.000 đồng;
- Chi phí khác: 2.861.881.000 đồng;
- Chi phí dự phòng 24.322.956.000 đồng.

12. Tiến độ thực hiện dự án: Xong trước ngày 31/12/2027.

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh, Ngân sách trung ương hỗ trợ (nếu có) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành).

15. Các nội dung khác:

- Phương án giải phóng mặt bằng: Chủ đầu tư cần phối hợp với chính quyền địa phương để xây dựng và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật.

- Các nội dung khác theo Báo cáo kết quả thẩm định số 431/BC-SNNMT ngày 11/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện: Ban Quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1 được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình quản lý thực hiện dự án theo đúng quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Kho bạc Nhà nước Khu vực VI; Giám đốc Ban quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1, UBND xã Tiên Lục, xã Mỹ Thái và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- VP UBND tỉnh: LĐVP<sup>Ô.Luýn</sup>;
- Lưu: VT, KTN<sup>Nam</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Xuân Lợi**